

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	9 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 15
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	16 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (dưới đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty và các Công ty con (“Nhóm Công ty”) bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”) và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (“Công ty con”) đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 22 (lần gần nhất) ngày 30 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 369.499.950.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Hoạt động của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch
- Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch
- Ông Lê Văn Cường	Thành viên
- Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên
- Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên độc lập
- Ông Haihui Liu	Thành viên độc lập

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đỗ Thị Lê	Trưởng ban [miễn nhiệm chức danh Thành viên và bổ nhiệm chức danh Trưởng ban từ ngày 23/06/2021]
- Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng ban [miễn nhiệm ngày 19/06/2021]
- Bà Đào Thị Dung	Thành viên
- Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên [bổ nhiệm ngày 19/06/2021]

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật [miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 27/09/2021]
- Ông Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc [miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 27/09/2021]
- Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Vũ Thị Ngà	Phó Tổng Giám đốc [miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ ngày 27/09/2021]
- Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Kế toán trưởng [bổ nhiệm từ ngày 27/09/2021]

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 02/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 15.000.000 cổ phiếu tương ứng 150.000.000.000 đồng và tăng vốn điều lệ của Công ty lên 369.499.950.000 đồng. Tại ngày 10 tháng 03 năm 2021 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 19 tháng 04 năm 2021 Công ty đã nhận quyết định số 223/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết bổ sung, theo đó số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết là 36.949.995 cổ phiếu tương ứng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết là 369.499.950.000 đồng.

Ngoài sự việc nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Hiện nay tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID - 19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Nhóm Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự việc nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 Năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường
Tổng Giám đốc

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Hữu Đông
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 033/2022/BCKT-PKF.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 09 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2022-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		447.918.255.913	242.780.771.281
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	49.576.553.563	5.182.296.893
Tiền	111		20.553.649.640	4.772.296.893
Các khoản tương đương tiền	112		29.022.903.923	410.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	14.800.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	14.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.385.557.403	162.212.332.969
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	235.818.755.099	120.813.226.766
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	21.207.498.553	30.497.068.633
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	10.507.153.599	15.534.898.554
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(7.147.849.848)	(4.632.860.984)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		129.670.022.426	56.855.692.787
Hàng tồn kho	141	5.7	129.670.022.426	56.855.692.787
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.286.122.521	3.730.448.632
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	11.204.545	15.791.667
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.267.269.645	3.603.265.642
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15a	7.648.331	111.391.323
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.843.454.766	226.556.465.555
Các khoản phải thu dài hạn	210		46.000.000	92.400.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	46.000.000	92.400.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		57.954.589.582	61.084.345.284
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	57.925.789.580	61.084.345.284
- Nguyên giá	222		71.955.441.012	71.425.409.035
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.029.651.432)	(10.341.063.751)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	28.800.002	-
- Nguyên giá	228		32.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.199.998)	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		91.199.697.364	45.030.767.364
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.11	91.199.697.364	45.030.767.364
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.831.332.638	119.820.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	119.831.332.638	119.820.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		811.835.182	528.952.907
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	811.835.182	528.952.907
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		717.761.710.679	469.337.236.836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		257.484.290.230	152.067.298.781
Nợ ngắn hạn	310		257.484.290.230	152.067.298.781
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	89.314.390.422	58.446.452.188
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	61.109.543.932	19.325.048.007
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15b	3.398.959.668	4.823.215.682
Phải trả người lao động	314		2.508.511.013	3.331.258.615
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	8.420.876	116.166.667
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	11.074.082.090	7.390.627
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	87.943.477.516	65.691.495.680
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	2.126.904.713	326.271.315
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		460.277.420.449	317.269.938.055
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	460.277.420.449	317.269.938.055
Vốn góp của chủ sở hữu	411		369.499.950.000	219.499.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		369.499.950.000	219.499.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	(4.390.693.200)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.237.771.552	85.179.864.420
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66.704.866.920	62.777.000.332
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.532.904.632	22.402.864.088
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.930.392.097	16.980.816.835
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		717.761.710.679	469.337.236.836

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Mận

Nguyễn Thị Thúy Lan

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	308.345.518.644	405.245.025.996
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	308.345.518.644	405.245.025.996
Giá vốn hàng bán	11	6.2	258.633.971.167	336.073.079.657
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.711.547.477	69.171.946.339
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.402.519.399	1.506.562.227
Chi phí tài chính	22	6.4	1.478.524.796	885.136.057
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.473.446.314	884.543.038
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		11.332.638	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	7.191.941.879	6.748.257.983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	27.243.661.474	34.131.319.274
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.211.271.365	28.913.795.252
Thu nhập khác	31	6.7	124.697.236	206.966.609
Chi phí khác	32	6.8	1.470.909.062	542.963.850
Lợi nhuận khác	40		(1.346.211.826)	(335.997.241)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.865.059.539	28.577.798.011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	2.382.579.645	4.796.195.024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.11	-	46.322.043
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.482.479.894	23.735.280.944
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		10.532.904.632	22.402.864.088
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		949.575.262	1.332.416.856
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	324	1.104
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	324	635

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Mận

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thúy Lan

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.865.059.539	28.577.798.011
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.691.787.679	3.787.728.217
- Các khoản dự phòng	03	4.247.156.806	3.813.647.117
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	161.192.171	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.188.246.394)	(1.399.736.594)
- Chi phí lãi vay	06	1.473.446.314	884.543.038
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.250.396.115	35.663.979.789
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(66.974.594.727)	(48.056.619.947)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(72.814.329.639)	2.357.876.558
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	44.793.550.346	36.490.562.145
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(278.295.153)	878.207.630
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.501.192.105)	(848.376.371)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.424.704.367)	(11.847.095.867)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(78.949.169.530)	14.638.533.937
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(46.730.961.977)	(45.901.277.029)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.000.000.000)	(29.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	43.800.000.000	25.915.070.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(119.820.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	22.470.820.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.496.506.930	653.050.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.434.455.047)	(146.182.336.886)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150.000.000.000	4.109.306.800
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	192.878.229.351	124.833.877.713
Tiền trả nợ gốc vay	34	(170.626.247.515)	(59.150.382.033)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.474.997.500)	(9.750.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	153.776.984.336	60.042.802.480
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.182.296.893	76.683.297.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	896.911	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	49.576.553.563	5.182.296.893

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Mận

Nguyễn Thị Thúy Lan

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 22 (lần gần nhất) ngày 30 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 369.499.950.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 47/4/6 đường số 2, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 (ba) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại	84,86%	84,86%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	95,00%	95,00%

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	Xóm Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Xây dựng nhà để ở	42,59%	45,00%

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 84,86% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 42,59%.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”) và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (“Công ty con”) (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp của các công trình đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2020 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành đối với các công trình thi công lắp đặt được xét theo từng công trình, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.22. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt	1.755.253.827	331.665.754
Tiền gửi ngân hàng	18.798.395.813	4.440.631.139
Các khoản tương đương tiền (i)	29.022.903.923	410.000.000
Cộng	49.576.553.563	5.182.296.893

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Hội sở; thời hạn từ 01 tháng đến 02 tháng; lãi suất 2,8%/năm đến 5,0%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	14.800.000.000	14.800.000.000
Cộng	-	-	14.800.000.000	14.800.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	235.818.755.099	120.813.226.766
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	77.804.571.594	66.142.363.639
- Công ty Cổ phần Vinhomes	51.155.364.592	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	35.690.366.250	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trọng Dương	11.730.065.710	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	10.275.292.514	6.980.611.464
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	9.600.000.000
- Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl	6.272.102.448	-
- Các khách hàng khác	33.290.991.991	38.090.251.663
Cộng	235.818.755.099	120.813.226.766

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<i>Trả trước người bán là bên thứ ba</i>	21.207.498.553	30.497.068.633
- Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh SPOOL	-	24.321.956.885
- Công Ty TNHH Thương Mại Thanh Mơ	3.853.018.706	29.934.450
- Công Ty TNHH Fluidra Việt Nam	3.195.284.534	223.998.280
- Công ty Triogen Limited - Scotland United Kingdom	2.572.333.779	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Công nghệ Sản Xuất Mới	-	2.290.000.000
- Các nhà cung cấp khác	11.586.861.534	3.631.179.018
Cộng	21.207.498.553	30.497.068.633

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	6.525.532.454	-	1.558.855.121	-
Bảo hiểm xã hội phải thu	1.229.800	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	976.621.161	-	11.096.878.940	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.402.352	-	3.402.352	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	159.516.076	-	10.489.322.963	-
- Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	-	-	237.973.215	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	813.702.733	-	366.180.410	-
Phải thu khác	3.003.770.184	-	2.879.164.493	-
- Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	137.307.957	-	445.568.493	-
- Kết Chuyển tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu	2.433.596.000	-	2.433.596.000	-
- Phải thu khác	432.866.227	-	-	-
Cộng	10.507.153.599	-	15.534.898.554	-

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	46.000.000	-	92.400.000	-
Cộng	46.000.000	-	92.400.000	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	11.235.643.452	4.087.793.604	10.312.860.984	5.680.000.000
Từ 03 năm trở lên	712.860.984	-	712.860.984	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.092	-	154.253.092	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	-	75.637.210	-
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	-	13.975.400	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	-	79.437.673	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	-	31.997.609	-
Từ 02 đến dưới 03 năm	667.988.148	200.396.444	-	-
- Công ty Cổ phần Milton	435.848.744	130.754.623	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long	196.560.784	58.968.235	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Long Thành	35.578.620	10.673.586	-	-
Từ 01 đến dưới 02 năm	9.854.794.320	3.887.397.160	9.600.000.000	5.680.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	3.760.000.000	9.600.000.000	5.680.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Quốc Tế Bắc Việt	254.794.320	127.397.160	-	-

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Số đầu năm	4.632.860.984	652.546.615
Trích lập dự phòng trong năm	2.514.988.864	3.980.314.369
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	7.147.849.848	4.632.860.984

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	9.730.381.438	-	311.717.478	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	105.285.400.572	-	33.735.708.498	-
- Hàng hóa	14.654.240.416	-	22.808.266.811	-
Cộng	129.670.022.426	-	56.855.692.787	-

5.8 Chi phí trả trước**a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2021 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	15.791.667	13.445.455	(18.032.577)	11.204.545
Cộng	15.791.667	13.445.455	(18.032.577)	11.204.545

b Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2021 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	528.952.907	740.790.835	(457.908.560)	811.835.182
Cộng	528.952.907	740.790.835	(457.908.560)	811.835.182

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2021	57.990.063.546	10.769.760.996	1.942.491.582	723.092.911	71.425.409.035
Mua trong năm	-	58.000.000	-	160.612.177	218.612.177
Đầu tư XD/CB hoàn thành	311.419.800	-	-	-	311.419.800
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/12/2021	58.301.483.346	10.827.760.996	1.942.491.582	883.705.088	71.955.441.012
Trong đó:					
Thế chấp, cầm cố (*)	24.927.493.104	-	454.010.131	-	25.381.503.235
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.251.581.864	312.675.200	625.278.182	-	2.189.535.246
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2021	6.945.455.766	1.933.308.164	1.268.945.882	193.353.939	10.341.063.751
Khấu hao trong năm	2.605.424.982	761.783.442	219.535.560	101.843.697	3.688.587.681
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/12/2021	9.550.880.748	2.695.091.606	1.488.481.442	295.197.636	14.029.651.432
Giá trị còn lại					
01/01/2021	51.044.607.780	8.836.452.833	673.545.700	529.738.972	61.084.345.284
31/12/2021	48.750.602.598	8.132.669.391	454.010.140	588.507.452	57.925.789.580

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(*) Giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 25.381.503.235 đồng, xem thuyết minh số 5.18.

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý dự án.

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2021	-	-	-
Tăng trong năm	32.000.000	3.199.998	
Giảm trong năm	-	-	
31/12/2021	32.000.000	3.199.998	28.800.002

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Mua bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	88.462.712.000	42.293.782.000
- Xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất	2.736.985.364	2.736.985.364
Cộng	91.199.697.364	45.030.767.364

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	01/01/2021 (VND)	Đầu tư mới trong năm (VND)	Phân chia lãi / (lỗ) từ các công ty liên kết trong năm (VND)	31/12/2021 (VND)
Công ty Cổ phần Gỗ Chí Thành	119.820.000.000	-	11.332.638	119.831.332.638
Tổng cộng	119.820.000.000	-	11.332.638	119.831.332.638

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết:

	31/12/2021			01/01/2021		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	42,59%	45,00%	119.831.332.638	42,59%	45,00%	119.820.000.000
Cộng			119.831.332.638			119.820.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 84,86% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 42,59%.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	89.314.390.422	89.314.390.422	58.446.452.188	58.446.452.188
- Công ty Cổ phần Bateco Việt Nam	19.514.042.735	19.514.042.735	11.547.403.694	11.547.403.694
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Toàn Thắng	13.542.503.700	13.542.503.700	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Red Ocean Việt Nam	13.316.015.735	13.316.015.735	-	-
- Công ty TNHH Vật liệu điện Duy Tân	-	-	6.408.312.596	6.408.312.596
- Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786
- Công ty Cổ phần Thương mại Và Đầu tư Phát triển Bình Minh	3.076.140.984	3.076.140.984	-	-
- Các nhà cung cấp khác	<u>35.848.809.482</u>	<u>35.848.809.482</u>	<u>36.473.858.112</u>	<u>36.473.858.112</u>
Cộng	<u>89.314.390.422</u>	<u>89.314.390.422</u>	<u>58.446.452.188</u>	<u>58.446.452.188</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Các khách hàng là bên thứ ba	61.109.543.932	19.325.048.007
- Công ty Cổ phần Vinhomes	-	9.531.319.915
- Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh	2.608.939.630	4.297.259.460
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	19.541.664.901	-
- Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	16.740.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	7.554.204.115	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Danko	4.322.377.483	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	3.802.785.029	-
- Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool	1.379.650.493	-
- Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl	-	2.145.228.045
- Các khách hàng khác	5.159.922.281	3.351.240.587
Cộng	61.109.543.932	19.325.048.007

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	-	109.151.257
- Thuế giá trị gia tăng	-	109.151.257
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	5.375.926	2.240.066
- Thuế thu nhập cá nhân	5.375.926	2.240.066
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	2.272.405	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.272.405	-
Cộng	7.648.331	111.391.323

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	498.659.487	498.659.487	2.579.709.901	2.579.709.901
- Thuế giá trị gia tăng	4.805.000	4.805.000	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	493.751.029	493.751.029	2.523.670.113	2.523.670.113
- Thuế thu nhập cá nhân	103.458	103.458	56.039.788	56.039.788
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	723.291.194	723.291.194	211.312.022	211.312.022
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	723.291.194	723.291.194	211.312.022	211.312.022
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	680.445.517	680.445.517	1.174.041.571	1.174.041.571
- Thuế giá trị gia tăng	354.276.757	354.276.757	244.357.179	244.357.179
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	326.019.613	326.019.613	890.007.476	890.007.476
- Thuế thu nhập cá nhân	149.147	149.147	39.676.916	39.676.916
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	1.496.563.470	1.496.563.470	858.152.188	858.152.188
- Thuế giá trị gia tăng	685.555.004	685.555.004	77.121.162	77.121.162
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	811.008.466	811.008.466	771.205.413	771.205.413
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	9.825.613	9.825.613
Cộng	3.398.959.668	3.398.959.668	4.823.215.682	4.823.215.682

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
- Chi phí lãi vay	8.420.876	36.166.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	80.000.000
Cộng	8.420.876	116.166.667

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
- Bảo hiểm bắt buộc	-	3.990.938
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm	10.698.690.103	-
- Các khoản phải trả khác	375.391.987	3.399.689
Cộng	11.074.082.090	7.390.627

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	87.943.477.516	87.943.477.516	65.691.495.680	65.691.495.680
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	87.943.477.516	87.943.477.516	51.144.852.535	51.144.852.535
+ Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS0202013054412/HDBTT ngày 17/06/2020 (i)	-	-	4.837.829.977	4.837.829.977
+ Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014 và các phụ lục(ii)	16.524.837.472	16.524.837.472	34.243.539.852	34.243.539.852
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021 (iii)	51.956.776.166	51.956.776.166	-	-
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021256892/HDHMCK ngày 20/10/2021 (iv)	7.303.164.335	7.303.164.335	-	-
+ Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201434/HDBTT ngày 09/09/2020	-	-	3.476.069.347	3.476.069.347
+ Hợp đồng tín dụng số HSO201912765137/HĐTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HSO201912765137/HĐTD/PL.17112020 ngày 18/09/2020	-	-	5.452.905.423	5.452.905.423
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021 (v)	285.616.526	285.616.526	-	-
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021242137/HDHMCK ngày 30/10/2021 (vi)	429.501.043	429.501.043	-	-
+ Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201419/HDBTT ngày 09/09/2020	-	-	844.903.073	844.903.073
+ Hợp đồng tín dụng số HSO201912765135/HĐTD ngày 23/11/2019, Phụ lục số HSO201912765135/HĐTD/PL.20200918 ngày 18/09/2020 và Phụ lục số HSO201912765135/HĐTD/PL09112020 ngày 09/11/2020	-	-	2.289.604.863	2.289.604.863
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021 (vii)	7.295.495.626	7.295.495.626	-	-
+ Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256904/HĐHM/CK/TCB-HVCPARK ngày 20/10/2021 (viii)	4.148.086.348	4.148.086.348	-	-
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	-	-	7.546.643.145	7.546.643.145
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Hùng Vương	-	-	-	-
- Ông Lê Văn Cường	-	-	-	-
Cộng	87.943.477.516	87.943.477.516	65.691.495.680	65.691.495.680

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn

	01/01/2021 (VND)	Nhận tiền vay trong kỳ (VND)	Trả tiền vay trong kỳ (VND)	31/12/2021 (VND)
Vay ngắn hạn	65.691.495.680	191.700.985.082	(169.449.003.246)	87.943.477.516
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam				
- Hội sở	51.144.852.535	160.080.214.089	(123.281.589.108)	87.943.477.516
+ Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS0202013054412/HDBTT ngày 17/06/2020 (i)	4.837.829.977	8.165.605.604	(13.003.435.581)	-
+ Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014 và các phụ lục(ii)	34.243.539.852	65.201.981.491	(82.920.683.871)	16.524.837.472
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021 (iii)	-	51.956.776.166	-	51.956.776.166
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021256892/HDHMCK ngày 20/10/2021 (iv)	-	7.303.164.335	-	7.303.164.335
+ Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201434/HDBTT ngày 09/09/2020	3.476.069.347	-	(3.476.069.347)	-
+ Hợp đồng tín dụng số HS0201912765137/HĐTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HS0201912765137/HĐTD/PL.17112020 ngày 18/09/2020	5.452.905.423	3.504.958.669	(8.957.864.092)	-
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021 (v)	-	285.616.526	-	285.616.526
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021242137/HDHMCK ngày 30/10/2021 (vi)	-	429.501.043	-	429.501.043
+ Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201419/HDBTT ngày 09/09/2020	844.903.073	4.707.250.687	(5.552.153.760)	-
+ Hợp đồng tín dụng số HS0201912765135/HĐTD ngày 23/11/2019, Phụ lục số HS0201912765135/HĐTD/PL.20200918 ngày 18/09/2020 và Phụ lục số HS0201912765135/HĐTD/PL09112020 ngày 09/11/2020	2.289.604.863	7.081.777.594	(9.371.382.457)	-
+ Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021 (vii)	-	7.295.495.626	-	7.295.495.626
+ Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256904/HĐHM/CK/TCB-HVCPARK ngày 20/10/2021 (viii)	-	4.148.086.348	-	4.148.086.348
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	7.546.643.145	11.620.770.993	(19.167.414.138)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt	7.000.000.000	-	(7.000.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Hùng Vương	-	18.000.000.000	(18.000.000.000)	-
- Ông Lê Văn Cường (*)	-	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Cộng	65.691.495.680	191.700.985.082	(169.449.003.246)	87.943.477.516

(*) Là bên có liên quan của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS0202013054412/HDBTT ngày 17/06/2020 với hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 37.700.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày 17/06/2020, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014, Phụ lục số HS020140019/HĐHMTD/PL.256892 ngày 20/10/2021 với hạn mức tín dụng là 285.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 90.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 135.000.000.000 đồng, hạn mức L/C là 30.000.000.000 đồng, hạn mức chiết khấu Bộ chứng từ kèm hối phiếu theo Phương thức thanh toán trả sau là 150.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết phụ lục, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021 với hạn mức chiết khấu bộ chứng từ kèm hối phiếu theo phương thức thanh toán trả sau. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu thỏa thuận được quy định cụ thể trên Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức thanh toán trả sau được lập theo mỗi lần chiết khấu. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày 18/06/2021, thời hạn chiết khấu được xác định cụ thể tại đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức trả sau tại từng lần chiết khấu, tối đa là 1 năm.

(iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256892/HĐHM/CK/TCB-HVC ngày 20/10/2021 với giá trị hạn mức chiết khấu là 150.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HSO2021168596/HDHMCK ngày 18/06/2021). Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong Đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(v) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021 với hạn mức chiết khấu bộ chứng từ kèm hối phiếu theo phương thức trả sau trị giá 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất chiết khấu bộ chứng từ được quy định cụ thể trên Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức trả sau được lập theo mỗi lần chiết khấu. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn chiết khấu được xác định cụ thể tại Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức thanh toán trả sau tại từng lần giải ngân chiết khấu, tối đa là 1 năm.

(vi) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021242137/HĐHM/CK/TCB-HVC ME ngày 20/10/2021 với giá trị hạn mức chiết khấu là 20.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168720/HDHMCK ngày 10/07/2021). Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong Đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

(vii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021 với hạn mức chiết khấu bộ chứng từ kèm hối phiếu theo phương thức trả sau trị giá 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu thỏa thuận được quy định cụ thể trên Đề nghị chiết khấu bộ chứng từ theo phương thức thanh toán trả sau được lập theo mỗi lần chiết khấu. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn chiết khấu được xác định cụ thể tại từng lần giải ngân chiết khấu, tối đa là 1 năm.

(viii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng cấp mức/hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ số HS02021256904/HĐHM/CK/TCB-HVC PARK ngày 20/10/2021 với giá trị hạn mức chiết khấu là 30.000.000.000 đồng (Hạn mức chiết khấu đã bao gồm Dự nợ chiết khấu theo Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu số HS02021168737/HDHMCK ngày 07/07/2021) .Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2022). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên các đề nghị chiết khấu. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong Đề nghị chiết khấu, thời hạn khoản chiết khấu tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201700599 ngày 12/04/2017 là xe ô tô Ford Ranger XLS 29C 759.29 thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201812333176 ngày 12/12/2018 là xe ô tô Kia Rondo 30F 47892 thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201912702165/HDTC ngày 30/10/2019 là nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu của Công ty TNHH HVC Hưng Yên.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO202012909659/HDTC ngày 04/03/2020 là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán bất động sản tại "Dự án Hồ Gươm Plaza" thuộc sở hữu của Công ty.

5.19 Dự phòng phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.126.904.713	326.271.315
Cộng	2.126.904.713	326.271.315

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.20 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
01/01/2020	200.000.000.000	-	(8.500.000.000)	92.026.950.332	11.248.399.980	294.775.350.311
Lãi trong năm trước	-	-	-	22.402.864.088	1.332.416.856	23.735.280.944
Tái phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(4.390.693.200)	8.500.000.000	-	-	4.109.306.800
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	4.400.000.000	4.400.000.000
Chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/06/2020	19.499.950.000	-	-	(19.499.950.000)	-	-
Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/06/2020	-	-	-	(9.750.000.000)	-	(9.750.000.000)
31/12/2020	219.499.950.000	(4.390.693.200)	-	85.179.864.420	16.980.816.835	317.269.938.055
01/01/2021	219.499.950.000	(4.390.693.200)	-	85.179.864.420	16.980.816.835	317.269.938.055
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	10.532.904.632	949.575.262	11.482.479.894
Tăng vốn trong năm nay (i)	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2021/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 19/06/2021	-	-	-	(18.474.997.500)	-	(18.474.997.500)
31/12/2021	369.499.950.000	(4.390.693.200)	-	77.237.771.552	17.930.392.097	460.277.420.449

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 02/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 15.000.000 cổ phiếu tương ứng 150.000.000.000 đồng và tăng vốn điều lệ của Công ty lên 369.499.950.000 đồng. Tại ngày 10 tháng 03 năm 2021 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 19 tháng 04 năm 2021 Công ty đã nhận quyết định số 223/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết bổ sung, theo đó số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết là 36.949.995 cổ phiếu tương ứng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết là 369.499.950.000 đồng.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	219.499.950.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	19.499.950.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	369.499.950.000	219.499.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.474.997.500	29.249.950.000
Bằng tiền mặt	18.474.997.500	9.750.000.000
Bằng cổ phiếu	-	19.499.950.000

Cổ phiếu

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.949.995	21.949.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.949.995	21.949.995
- Cổ phiếu phổ thông	36.949.995	21.949.995
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.949.995	21.949.995
- Cổ phiếu phổ thông	36.949.995	21.949.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Tổng doanh thu	308.345.518.644	405.245.025.996
- Doanh thu bán hàng hóa	82.987.649.619	54.561.601.211
- Doanh thu bán thành phẩm	23.482.545.224	31.190.319.252
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	201.779.323.801	319.392.355.533
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.000.000	100.750.000
Doanh thu thuần	308.345.518.644	405.245.025.996

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	75.971.229.503	48.914.551.246
- Giá vốn thành phẩm	15.081.801.408	24.384.982.424
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	167.580.940.256	262.773.545.988
Cộng	258.633.971.167	336.073.079.657

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.236.588.816	997.696.479
- Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	-	463.140.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	165.930.583	45.725.748
Cộng	1.402.519.399	1.506.562.227

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Chi phí lãi vay	1.473.446.314	884.543.038
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.078.482	593.019
Cộng	1.478.524.796	885.136.057

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Chi phí bảo hành	1.851.073.079	189.510.833
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.073.043.800	1.065.447.150
- Chi phí bằng tiền khác	4.267.825.000	5.493.300.000
Cộng	7.191.941.879	6.748.257.983

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	16.114.519.087	20.434.820.986
- Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	634.647.173	833.710.032
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.941.678.611	3.082.384.585
- Thuế, phí và lệ phí	554.211.229	606.487.724
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.514.988.864	3.980.314.368
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.088.071.067	3.787.332.951
- Chi phí bằng tiền khác	1.395.545.443	1.406.268.628
Cộng	27.243.661.474	34.131.319.274

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	121.868.644	88.123.216
- Thu nhập khác	2.828.592	118.843.393
Cộng	124.697.236	206.966.609

6.8. Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Phạt vi phạm hợp đồng	62.000.000	95.740.126
- Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	238.024.415	141.578.539
- Chi phí khác	1.170.884.647	305.645.185
Cộng	1.470.909.062	542.963.850

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	215.452.821.198	224.758.730.924
Chi phí nhân công	57.368.098.347	117.231.794.694
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.691.787.679	3.787.728.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.740.198.281	11.163.455.409
Chi phí bằng tiền khác	8.106.959.734	8.355.558.554
Cộng	301.678.580.567	365.297.267.798

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.382.579.645	4.796.195.024
Cộng	2.382.579.645	4.796.195.024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	493.751.029	2.523.670.113
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	723.291.194	611.312.022
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC)	354.528.956	890.007.476
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park)	811.008.466	771.205.413
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.382.579.645	4.796.195.024

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chênh lệch tạm thời từ lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong năm	-	231.610.215
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	46.322.043

6.12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	10.532.904.632	22.402.864.088
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.532.904.632	22.402.864.088
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	32.511.639	20.296.848
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	324	1.104

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2021 (Cổ phiếu)	Năm 2020 (Cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.949.995	19.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành (tái phát hành cổ phiếu quỹ)	-	123.699
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	10.561.644	673.149
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.511.639	20.296.848

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	10.532.904.632	22.402.864.088
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.532.904.632	22.402.864.088
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.511.639	20.296.848
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	324	635

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác chưa chi	4.016.877.786	4.016.877.786
Lãi TGNH chưa thu	137.307.957	445.568.493
Lãi vay chưa trả	8.420.876	36.166.667

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có****8.2. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 02/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 15.000.000 cổ phiếu tương ứng 150.000.000.000 đồng và tăng vốn điều lệ của Công ty lên 369.499.950.000 đồng. Tại ngày 10 tháng 03 năm 2021 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 19 tháng 04 năm 2021 Công ty đã nhận quyết định số 223/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết bổ sung, theo đó số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết là 36.949.995 cổ phiếu tương ứng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết là 369.499.950.000 đồng.

Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hiện nay tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID - 19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.4. Thông tin về các bên có liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm nay:

Năm 2021, Công ty không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông quan. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không nhận thù lao của năm 2021.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Ông Trần Hữu Đông - Tổng Giám đốc [miễn nhiệm ngày 14/07/2020]	-	198.100.000
Ông Lê Văn Cường - Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật [miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 27/09/2021]	274.158.067	327.196.061
Ông Trương Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc	274.158.067	340.874.061
Ông Đỗ Huy Cường - Tổng Giám đốc [miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 27/09/2021]	274.158.067	340.874.061
Ông Trần Văn Duy - Phó Tổng Giám đốc [miễn nhiệm ngày 03/07/2020]	-	150.250.000
Bà Vũ Thị Ngà – Phó Tổng Giám đốc [miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc từ ngày 27/09/2021]	233.749.025	-
Cộng	<u>1.056.223.227</u>	<u>1.357.294.184</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Ông Lê Văn Cường		
Vay trong năm	2.000.000.000	-
Trả tiền vay trong năm	(2.000.000.000)	(8.000.000)
Lãi vay	13.742.466	-
Ông Trương Thanh Tùng		
Tạm ứng	-	300.000.000
Hoàn ứng	-	(327.209.793)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, không có số dư các khoản phải thu, phải trả của Nhóm Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

8.5. Công cụ tài chính

Nhóm Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Nhóm Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.576.553.563	-	49.576.553.563
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	235.818.755.099	-	235.818.755.099
Các khoản phải thu khác	10.507.153.599	46.000.000	10.553.153.599
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.147.849.848)	-	(7.147.849.848)
Tổng cộng	288.754.612.413	46.000.000	288.800.612.413
31/12/2021			
Phải trả cho người bán	(89.314.390.422)	-	(89.314.390.422)
Phải trả khác	(11.074.082.090)	-	(11.074.082.090)
Chi phí phải trả	(8.420.876)	-	(8.420.876)
Vay và nợ thuê tài chính	(87.943.477.516)	-	(87.943.477.516)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(2.126.904.713)	-	(2.126.904.713)
Tổng cộng	(190.467.275.617)	-	(190.467.275.617)
Chênh lệch thanh khoản thuần	98.287.336.796	46.000.000	98.333.336.796
01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.182.296.893	-	5.182.296.893
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.800.000.000	-	14.800.000.000
Phải thu khách hàng	120.813.226.766	92.400.000	120.905.626.766
Các khoản phải thu khác	15.534.898.554	-	15.534.898.554
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.632.860.984)	-	(4.632.860.984)
Tổng cộng	151.697.561.229	92.400.000	151.789.961.229
01/01/2021			
Phải trả cho người bán	(58.446.452.188)	-	(58.446.452.188)
Phải trả khác	(7.390.627)	-	(7.390.627)
Chi phí phải trả	(116.166.667)	-	(116.166.667)
Vay và nợ thuê tài chính	(65.691.495.680)	-	(65.691.495.680)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(326.271.315)	-	(326.271.315)
Tổng cộng	(124.587.776.477)	-	(124.587.776.477)
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.109.784.752	92.400.000	27.202.184.752

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tài sản tài chính				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	49.576.553.563	5.182.296.893	49.576.553.563	5.182.296.893
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	14.800.000.000	-	14.800.000.000
- Phải thu khách hàng	235.818.755.099	120.813.226.766	228.670.905.251	116.180.365.782
- Các khoản phải thu khác	10.553.153.599	15.627.298.554	10.553.153.599	15.627.298.554
Tổng cộng	295.948.462.261	156.422.822.213	288.800.612.413	151.789.961.229
Nợ phải trả tài chính				
- Phải trả cho người bán	89.314.390.422	58.446.452.188	89.314.390.422	58.446.452.188
- Phải trả khác	11.074.082.090	7.390.627	11.074.082.090	7.390.627
- Chi phí phải trả	8.420.876	116.166.667	8.420.876	116.166.667
- Vay và nợ thuê tài chính	87.943.477.516	65.691.495.680	87.943.477.516	65.691.495.680
- Dự phòng phải trả dài hạn	2.126.904.713	326.271.315	2.126.904.713	326.271.315
Tổng cộng	190.467.275.617	124.587.776.477	190.467.275.617	124.587.776.477

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty đã được kiểm toán.

8.7. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.8. Thông tin về bộ phận**a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa); lĩnh vực thi công xây lắp bể bơi, hệ thống điện; lĩnh vực cho thuê văn phòng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa, thành phẩm (VND)	Dịch vụ thi công lắp đặt (VND)	Dịch vụ khác (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	106.470.194.843	201.779.323.801	96.000.000	308.345.518.644
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(91.053.030.911)	(167.580.940.256)	-	(258.633.971.167)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	15.417.163.932	34.198.383.545	96.000.000	49.711.547.477
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(34.435.603.353)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				15.275.944.124
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				11.332.638
Doanh thu tài chính				1.402.519.399
Chi phí tài chính				(1.478.524.796)
Thu nhập khác				124.697.236
Chi phí khác				(1.470.909.062)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.382.579.645)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.482.479.894

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Mận

Nguyễn Thị Thúy Lan

Lê Văn Cường